

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200/2025/DS-PT

Ngày 22 - 5 - 2025

V/v tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Ninh Quang Thê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 246/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho bà H: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Thôn B, C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 4 năm 2025, có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ú: Ông Hà Văn S là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Khánh H1, sinh năm 2007 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Khánh B, sinh năm 2004 (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1965 (có mặt).

4. Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1971 (có mặt).

5. Ông Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P là nguyên đơn; ông Huỳnh Thanh T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 33.500 m², tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau là của cha mẹ ông bà là ông Huỳnh Văn T4 (chết năm 1997), bà Nguyễn Thị Á (chết năm 2019), được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Á ngày 17 tháng 01 năm 2001. Ông Huỳnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị Á chết không để lại di chúc. Ông T4 và bà Á có 08 người con là bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Thanh T3, ông Huỳnh Văn T2, bà Huỳnh Kim L và ông Huỳnh Văn Ú. Khi ông T4 và bà Á còn sống cho ông Huỳnh Thanh T3 phần đất khoảng 8.000m² để quản lý, sử dụng, việc cho đất chỉ nói miệng và không làm thành văn bản. Nay bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản là phần đất trên, có diện tích theo đo đạc thực tế là 36.003,6 m² trừ diện tích khu mộ cho các đồng thừa kế là 08 người con gồm bà H, bà X, bà T1, ông P, ông T3, ông T2, bà L và ông Ú cùng quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất; diện tích đất còn lại chia đều cho 08 người con. Theo kết quả đo đạc thực tế tại mảnh trích đo hiện trạng ngày 19/9/2024 của Công ty TNHH P2 thì diện tích đất chừa làm khu mộ do ông T3 xác định là 836,6m² bao gồm luôn cả công của ông Huỳnh Văn Ú, nay các nguyên đơn thống nhất chừa diện tích khu mộ vị trí đến cống, bỏ cống của ông Huỳnh Văn Ú ra khỏi diện tích khu mộ thì diện tích chừa làm khu mộ sẽ giảm xuống còn 638,5m², diện tích đất còn lại sau khi trừ diện tích khu mộ là 35.365,1m² chia đều cho 08 người con, mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 4.420,6m². Bà H, bà X, ông P, bà T1 và ông T3 yêu cầu nhận đất từ mặt tiền đến

hậu, tiếp giáp vị trí khu mộ để thuận tiện cho quá trình canh tác và thăm nom mộ mã cha mẹ. Do mặt tiền của phần đất có căn nhà và khu mộ nên khó phân chia riêng từng kỷ phần nên bà H, bà X, ông P, bà T1 và ông T3 thống nhất cùng đồng sở hữu đứng tên Quyền sử dụng đất chung 05 kỷ phần được nhận là 22.103m².

Riêng bà Huỳnh Thị X trình bày: Phần đất cha mẹ trước đây cho ông T3 quản lý theo kết quả đo đạc thực tế là 10.044,9m² ông T3 cho bà thuê lại mỗi năm 7.000.000 đồng, trả tiền thuê hằng năm, việc thuê đất không làm văn bản, chỉ nói miệng, thời gian cho thuê đất không xác định, khi nào ông T3 yêu cầu thì bà trả đất. Nay bà đồng ý giao lại phần đất để chia thừa kế theo quy định pháp luật, đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà và ông Huỳnh Thanh T3 không tranh chấp nên bà yêu cầu để bà và ông T3 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Ú và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T2, bà Huỳnh Kim L thống nhất trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 36.003,6 m² tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau của cha mẹ ông bà là bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1934 (chết năm 2019), ông Huỳnh Văn T4, sinh năm 1927 (chết năm 1997) tạo lập và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Á vào năm 2001, cha mẹ các ông bà chết không để lại di chúc phân chia phần đất cho ai. Cha mẹ ông bà có 08 người con gồm: bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Văn T2, Huỳnh Kim L, Huỳnh Văn Ú, Huỳnh Thanh T3.

Nay ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Văn T2 và bà Huỳnh Kim L thống nhất đồng ý chia thừa kế phần đất trên theo quy định pháp luật cụ thể như sau: Phần đất theo đo đạc thực tế là 36.003,6 m² tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, nay yêu cầu chia diện tích khu mộ và lối đi theo đo đạc thực tế là 836,6 m² trừ diện tích cống của ông Ú còn lại 638,5 m² yêu cầu giao cho ông Huỳnh Văn T2, Huỳnh Kim L, Huỳnh Văn Ú cùng đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất. Không đồng ý để 08 anh chị em gồm: bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, Huỳnh Thanh T3 cùng đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích khu mộ.

Sau khi trừ diện tích khu mộ thì còn lại là 35.365,1m² thì yêu cầu chia cho ông Ú thêm 01 kỷ phần thừa kế do có công sức bảo quản di sản, công sức đầu tư, cải tạo, thờ cúng cha mẹ, còn lại thì chia đều theo quy định pháp luật là 08 kỷ phần bằng nhau, riêng ông Ú được nhận là 02 kỷ phần. Như vậy, diện tích $35.365,1\text{m}^2 / 09 \text{ kỷ phần} = 3.929,4 \text{ m}^2$, ông Ú nhận 02 kỷ phần là 7.858,8m². Còn lại 07 người là bà X, bà H, bà T1, ông P, ông T3, ông T2 và bà L mỗi người nhận là 3.929,4m². Tuy nhiên, ông Ú, ông T2 và bà L yêu cầu được nhận vị trí từ mặt tiền trở lên giữa đất bao gồm cả ngôi mộ của con ông Ú, còn lại từ giữa đất lên hậu thì cắt chia cho 05 người còn lại. Vì trên hậu có con kênh Lung Lá có thể sử dụng đường nước từ con kênh trên để canh tác, sử dụng. Nay ông Ú, ông T2, bà L thống nhất yêu cầu kỷ phần được nhận chung của 03 người là 15.718,1m² giao cho cả 03 người cùng đứng tên quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T3 trình bày:

Ông là con của ông Huỳnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị Á, ông T4 và bà Á có 08 người con tên là Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị X, Huỳnh Văn P, Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Kim L, Huỳnh Văn Ú và ông. Ông T4 đã chết năm 1997, bà Á chết năm 2019. Cha mẹ ông có 01 phần đất diện tích 33.500m² tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau do bà Nguyễn Thị Á đứng tên quyền sử dụng đất. Trước đây, khi cha mẹ ông còn sống thì có nói miệng là cho ông phần đất có diện tích khoảng 8.000m² nằm trong phần đất trên, việc cho đất không làm văn bản, chỉ nói miệng, cho thời gian nào thì ông không nhớ, từ khi cho đất ông quản lý sử dụng phần đất trên đến nay. Trên đất ông có cất 01 căn nhà, nhưng đã tháo dỡ chỉ còn nền đất và 01 cây nước khoáng, 01 cống xổ vuông đã cũ. Nếu chia thừa kế mà các tài sản trên không giao cho ông mà dính vào diện tích phải chia thừa kế cho người khác thì ông không yêu cầu bồi thường. Hiện ông đi làm thuê nên không còn sử dụng đất mà cho chị tên là Huỳnh Thị X thuê lại, việc thuê đất không làm hợp đồng, chỉ nói miệng, giá thuê 01 năm là 7.000.000 đồng, thời gian thuê không xác định, khi nào ông muốn kết thúc hợp đồng thuê thì thông báo cho bà X trước. Đối với hợp đồng thuê giữa ông và bà X không tranh chấp, nên không yêu cầu tòa án giải quyết, mà để tự ông và bà X thỏa thuận với nhau. Nay phần đất trên các anh chị em của ông đang tranh chấp yêu cầu chia thừa kế, kết quả đo đạc phần đất có diện tích 36.003,6m², trước đây khi đo đạc ông xác định thửa diện tích khu mộ là 836,6m² bao gồm luôn cả cống của ông Huỳnh Văn Ú, nay ông thống nhất với 04 nguyên đơn thửa diện tích khu mộ vị trí đến cống, bỏ cống của ông Huỳnh Văn Ú ra khỏi diện tích khu mộ thì diện tích còn lại của khu mộ là 638,5m², sau khi trừ diện tích khu mộ, diện tích đất còn lại là 35.365,1m² chia đều cho 08 người con, mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 4.420,6m², ông yêu cầu nhận đất từ mặt tiền đến hậu, tiếp giáp vị trí khu mộ để thuận tiện cho quá trình canh tác và thăm nom mồ mã cha mẹ. Do mặt tiền của phần đất có căn nhà và khu mộ nên khó phân chia riêng 08 kỷ phần nên ông thống nhất cùng bà H, bà X, ông P, bà T1 đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất chung 05 kỷ phần được nhận là 22.103m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn S trình bày: Ông thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Huỳnh Văn Ú, yêu cầu Hội đồng xét xử chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất ông T4, bà Á chết không để lại di chúc cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 08 người, trong đó thửa diện tích khu mộ là 638,5m² giao cho ông Huỳnh Văn Ú đứng tên quyền sử dụng đất, chia cho ông Ú 01 kỷ phần thừa kế là công sức bảo quản di sản và thờ cúng, đầu tư, cải tạo và 01 kỷ phần theo quy định pháp luật, tổng cộng ông Ú được nhận 02 kỷ phần, thống nhất giao tổng diện tích ông T2, ông Ú, bà L được nhận gộp chung để cùng đứng tên quyền sử dụng đất, vị trí đất ông T2, ông Ú và bà L yêu cầu được nhận là từ mặt tiền lên đến giữa phần đất bao gồm cả ngôi mộ con ông Ú. Yêu cầu giao vị trí từ hậu đất đến giữa phần đất (không giao mặt tiền) cho 05 người còn lại là bà H, bà X, bà T1, ông P, ông T3 quản lý, sử dụng để thuận tiện cho hai bên canh tác, sử dụng vì mặt tiền đất hiện đã có căn nhà và khu mộ, nếu chia diện tích nhỏ sẽ không sử dụng được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Thanh T3.

3. Buộc ông Huỳnh Văn Ú giao phần đất là khu mộ và lối đi vào khu mộ có tổng diện tích $638,5\text{m}^2$ (thửa số 02) tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau cho bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Văn T2, Huỳnh Kim L, Huỳnh Văn Ú, Huỳnh Thanh T3 được quản lý và đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

4. Buộc ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh T3 và bà Huỳnh Thị X giao cho bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P và ông Huỳnh Thanh T3 phần đất được chia thừa kế có tổng diện tích là 19.647m^2 (trong đó, bà H, bà X, bà T1, ông P và ông T3 mỗi người được chia là $3.929,4\text{m}^2$ bao gồm các thửa số 05 là $72,5\text{m}^2$, thửa số 04 là $19.574,5\text{m}^2$) tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và được đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

5. Buộc ông Huỳnh Văn Ú giao cho ông Huỳnh Văn T2 diện tích đất được chia thừa kế là $3.929,4\text{m}^2$. Buộc ông Huỳnh Văn Ú giao cho bà Huỳnh Kim L diện tích đất được chia thừa kế là $3.929,4\text{m}^2$. Ông Huỳnh Văn Ú được nhận diện tích đất chia thừa kế là $7.858,8\text{m}^2$ tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích đất ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Văn Ú và bà Huỳnh Kim L được chia thừa kế là $15.718,1\text{m}^2$ (gồm các thửa số 01 là $1431,3\text{m}^2$, thửa số 06 là $125,6\text{m}^2$, thửa số 03 là $14.161,2\text{m}^2$) tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và được đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

(Vị trí và diện tích đất theo trích đo hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/11/2024, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H là ông Đỗ Thanh T tranh luận: Các chứng cứ đã được thể hiện tại đơn kháng cáo nên yêu cầu chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị X tranh luận: Bà yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T1 tranh luận: Bà yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh P1 tranh luận: Ông yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T3 tranh luận: Ông yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Hà Văn S tranh luận: Án sơ thẩm xử là có căn cứ nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Bị đơn, ông Huỳnh Văn Ú tranh luận: Ông đồng ý với án sơ thẩm.

Ông Huỳnh Thanh T3 tranh luận: Ông không đồng ý án sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T2 tranh luận: Ông đồng ý án sơ thẩm.

Bà Huỳnh Kim L tranh luận: Bà không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3. Sửa bản án sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 đồng ý diện tích đất được chia nhưng yêu cầu chia thừa kế phần đất có tiền có hậu để thuận lợi việc sinh sống, canh tác trên đất. Những người thừa kế còn lại không có yêu cầu kháng cáo. Như vậy, các đương sự đồng ý phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 36.003,6 m² là di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn T4 và cụ Nguyễn Thị Á. Các đương sự thống nhất diện tích đất gắn liền khu mộ và lối đi vào khu mộ là 638,5 m² giao cho 08 người cùng quản lý. Diện tích đất còn lại để chia thừa kế là 35.365,1 m² được chia thành 09 kỷ phần cho 08 người; trong đó, ông Ú có công nuôi dưỡng cha mẹ nên được chia 2 kỷ phần thừa kế. Bà H, bà X, ông P, bà T1 và ông T3 thống nhất yêu cầu được nhận 05 kỷ phần diện tích theo đo đạc thực tế 19.647,5 m² và cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T2, bà L và ông Ú thống nhất nhận 04 kỷ phần diện tích theo đo đạc thực tế 15.717,6 m² và cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 chỉ kháng cáo yêu cầu phần đất được chia thừa kế mặt tiền có kích thước lớn hơn để thuận tiện cho việc ở và canh tác đất. Hội đồng xét xử xét thấy, án sơ thẩm chia vị trí đất cho bà H, bà X, ông P, bà T1 và ông T3 phần đất mặt tiền ngang 4,85m có chiều dài 308,43m; trong khi chia cho ông T2, bà L, ông Ú được chia phần đất ngang mặt tiền 43,82 m dài 308,43m. Phần đất các nguyên đơn được chia ở hậu đất, không có đường giao thông nên giá trị thấp hơn rất nhiều so với phần đất các bị đơn được chia là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại vị trí và diện tích đất được chia. Tuy nhiên, do phần đất mặt tiền các đương sự thống nhất để lại phần khu mộ kích thước ngang 24,60 m nên chỉ có thể chia cho các nguyên đơn và ông T3 từ điểm M8 đến điểm M6 giáp ranh đất khu mộ, cụ thể: Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 được sử dụng phần đất mặt tiền giáp đường bê tông thuộc thửa số 5 diện tích 72,5 m², thửa số 6 diện tích 125,6 m², thửa số 4 diện tích 19.449,4 m². Ông Ú, bà L, ông T2 được chia thửa số 1 diện tích 1.431,3 m², thửa số 3 diện tích 14.286,2 m². Tổng diện tích 15.717,5 m².

[3] Phần đất thửa số 6 diện tích 125,6 m² được giao cho bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 có 01 công xở nước của ông Huỳnh Văn Ú nên các nguyên đơn và ông T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ú giá trị công xở nước được định giá số tiền 18.275.000 đồng (đã làm tròn số); mỗi người phải trả cho ông Ú số tiền 3.655.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu giữ y án sơ thẩm là không phù hợp như nhận định tại đoạn [2] nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Giữ nguyên như án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Thanh T3 không phải chịu án phí. Ông T3, bà T1, mỗi người có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 246/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Thanh T3.

3. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Văn T2, Huỳnh Kim L, Huỳnh Văn Ú, Huỳnh Thanh T3 được sử dụng và cùng đứng tên quyền sử dụng phần đất khu mộ và lối đi vào khu mộ (M5M5M6M16M15) có tổng diện tích 638,5m² (thửa số 02) tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P và ông Huỳnh Thanh T3 được chia thừa kế phần đất (M6M7M8M9M9'M10M11M12M13M18)M16) có tổng diện tích là 19.647,5 m² (trong đó, bà H, bà X, bà T1, ông P và ông T3 mỗi người được chia là 3.929,5m²; gồm các thửa số 05 diện tích 72,5m², thửa số 6 diện tích 125,6 m², thửa số 04 diện tích 19.449,4m²), tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và được đăng ký cơ quan có thẩm quyền đứng tên quyền sử dụng đất chung theo quy định. Buộc ông Huỳnh Văn Ú, ông Huỳnh Thanh T3 giao phần đất thửa 4, thửa 5, thửa 6 với diện tích 19.647,5 m² cho bà H, bà X, bà T1, ông P, ông T3 sử dụng.

5. Ông Huỳnh Văn T2, bà Huỳnh Kim L, ông Huỳnh Văn Ú được chia thừa kế phần đất (M1M2M3M4M15M16M18M13M14) có diện tích 15.717,5 m² (trong đó, ông Huỳnh Văn T2 được chia thừa kế phần đất diện tích 3.929,37 m², bà Huỳnh Kim L được chia thừa kế phần đất diện tích 3.929,37 m², ông Huỳnh Văn Ú được chia thừa kế phần đất diện tích 7.858,76 m²; gồm các thửa số 01 diện tích 1431,3 m², thửa số 03 diện tích 14.286,2m²), tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau và được đăng ký cơ quan có thẩm quyền đứng tên quyền sử dụng đất chung theo quy định.

(Vị trí và diện tích đất theo trích đo hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Ú số tiền 18.275.000 đồng (mỗi người trả 3.655.000 đồng). Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh

Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3 được quyền sở hữu công xở nước gắn liền với phần đất thửa đất số 6.

(Vị trí và diện tích đất theo trích đo hiện trạng của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 kèm theo).

7. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc và thẩm định giá, bà Huỳnh Thị H đã nộp 40.119.000 đồng. Bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Thanh T3, ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Văn Ú và bà Huỳnh Kim L, mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H 5.014.875 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong tất cả các khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P được miễn án phí.

Buộc ông Huỳnh Thanh T3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.433.165 đồng. Ông T3 có nộp tạm ứng án phí 3.046.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017780 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu; ông T3 còn phải nộp số tiền 11.387.165 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.433.165 đồng. Bà T1 có nộp tiền tạm ứng án phí 2.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017601 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được đối trừ, chuyển thu; bà T1 còn phải nộp số tiền 11.558.165 đồng.

Buộc ông Huỳnh Văn Ú phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 26.633.344 đồng.

Buộc ông Huỳnh Văn T2, bà Huỳnh Kim L mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.433.165 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị X, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Thanh T3 không phải chịu án phí. Ngày 30 tháng 12 năm 2024, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Thanh T3, mỗi người có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0003706, 0003707 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung